TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2023/DS - PT
Ngày 10 tháng 5 năm 2023
V/v "Yêu cầu hủy GCN quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ
Các Thẩm phán: Bà Điêu Thị Bích Lượt;
Bà Lê Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công K vụ án dân sự thụ lý số: 27/2023/TLDS-PT ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc*"Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".* Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/TLPT- DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang Q, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ 34, phố Thành C, P. Thọ S, TP. Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q là: Ông Lê Văn C – Luật sư trợ giúp pháp lý theo hợp đồng với TTTGPL Nhà nước tỉnh Phú Thọ.Trú tại: Thôn Tân P, xã Phong V, huyện Ba V, thành phố Hà Nội;

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu 04, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

3.**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

3.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949

Địa chỉ: Khu 3, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

3.2. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1956

Địa chỉ: Khu 1, xã Sơn Vi, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

3.3. Ông Nguyễn Trọng L1, sinh năm 1959

3.4. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu 3, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

3.5. Ông Nguyễn Quang K1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu 3, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

3.6. Ông Nguyễn Xuân K2, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 3, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

3.7. Bà Lê Thị P, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ 34, phố Thành Công, P Thọ Sơn, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

3.8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm1965

Địa chỉ: Khu 3, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

3.9.Bà Lê Thị H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 3, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

3.10. UBND huyện Lâm T

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T2– Chủ tịch

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H1 – Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

(Ông C, ông Q có mặt; ông K, ông N, ông L, bà Thủy, ông K1, ông K2, bà P, bà T, bà H và ông H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà L vắng mặt không có lý do).

4/ Người kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo bản án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Quang Q trình bày:

Bố ông là Nguyễn Cao C1 sinh năm 1922 chết năm 2001, mẹ ông là Trần Thị L1, sinh năm 1928 chết năm 2017**.** Bố mẹ ông có 08 người con là:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949; 2. Nguyễn Quang Q, sinh năm 1952; 3. Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1956; 4. Ông Nguyễn Trọng L1, sinh năm 1959; 5. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961; 6. Ông Nguyễn Quang K1, sinh năm 1964; 7. Ông Nguyễn Xuân K2, sinh năm 1967; 8. Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1970.

Trước khi chết bố, mẹ ông có 01thửa đất diện tích 303m^2 trên đất có một ngôi nhà ngói 05 gian nhà thờ cúng tổ tiên, bố mẹ ông chết không để lại di chúc gì. Vào năm 2008 ông K đã lợi dụng khi anh em vắng nhà nên đã lừa mẹ ông lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tự ý kê khai đứng tên ông Nguyễn Xuân K và bà Lê Thị H. Năm 2011 ông K đã đem sổ đỏ cầm nợ, ông phải đi chuộc lại. Đến năm 2019 ông K cho ông diện tích đất là 76 m^2 và đã tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (01giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Xuân K và bà Lê Thị H và 01giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông và bà Lê Thị P). Ngày 02/02/2022 ông K đã tháo dỡ hủy hoại ngôi nhà thờ tổ tiên, ông thấy việc làm của ông K là bất hợp pháp vi phạm tâm linh, vi phạm pháp luật Nhà nước. Ông đề nghị huỷ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2022 ông Q có đơn gửi Tòa án với nội dung xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế, ông chỉ đề nghị Toà án hủy bỏ 01giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Xuân K và bà Lê Thị H và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông và bà Lê Thị P, giữ nguyên

hiện trạng đất của tổ tiên để sau này làm nhà thờ cúng.

* Phần trình bày của bị đơn: Ông thừa nhận về quan hệ huyết thống như ông Q trình bày là đúng, nguồn gốc thửa đất ông Q trình bày là của bố ông là cụ Nguyễn Cao C1, mẹ ông là Trần Thị L1 là đúng. Trên đất có một ngôi nhà ngói xây 5 gian cấp 4 từ năm 1959. Ông cùng bố mẹ và các anh chị em đều sinh ra và lớn lên trên mảnh đất này sau đó các anh chị đi ở riêng, chỉ còn vợ chồng anh K1 ở cùng bố mẹ ông vì anh K1 là bệnh binh nặng trong quân đội 1/3 mất 85% sức khỏe, để tạo điều kiện cho anh K1 có nơi ở sinh sống và chăm sóc mẹ già. Năm 2006 mẹ ông tổ chức toàn thể anh chị em trong gia đình họp công bố di chúc của bố ông là giao đất, giao nhà cho anh Nguyễn Quang K1 và di chúc của mẹ ông giao toàn bộ tài sản đất đai 303 m2 + nhà cấp 4 lợp ngói xây từ năm 1959 của bố mẹ ông làm được cho anh Nguyễn Quang K1, vợ chồng anh Khải phải có trách nhiệm nuôi mẹ già. Anh K1 còn có đất nhà nước cấp theo chế độ bệnh binh nặng. Sau đó ông K1 thực hiện theo di chúc của bố mẹ và vợ chồng ông K1 ở tại nhà cùng bố mẹ, còn gia đình ông về ở mảnh đất của ông K1, ông đã xây dựng nhà ở, xây bờ rào xung quanh, thuê đổ đất tôn nền, trồng trọt cây cối, trong gia đình anh chị em sinh sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Đến cuối năm 2007 ông K1 có trao đổi với ông đổi đất và nhà ở, lúc đầu ông không đồng ý, sau đó được các anh em góp ý, vì ông K1 là thương binh nặng, thần kinh, nên vợ chồng ông đồng ý đổi cho ông K1 và vợ chồng ông lên ở mảnh đất của bố mẹ ông có diện tích đất là 303 m2 cùng với mẹ già nuôi dưỡng mẹ thay cho vợ chồng ông Nguyễn Quang K1. Năm 2008 thì làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông và vợ là Lê Thị H. Đến năm 2018 thì ông Nguyễn Quang Q về quê đòi đất ông cha, ông không đồng ý, xong sau được các anh chị em góp ý, ông đồng ý cho ông Q 76 m2 đất, sau đó ông Q tự đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông chỉ còn 227 m2. Do ngôi nhà của mẹ ông để lại quá lâu, xuống cấp dột nát nguy hiểm đến tính mạng, nên đầu năm 2022 ông có thông báo với các anh chị em ruột và trong họ ủng hộ ông để ông xây dựng lại nhà. Còn ông Q đã có nhà ở tại thành phố Việt T. Khi ông khởi công xây dựng ông Q đã ngăn cản và đánh ông, Công an xã phải đến giải quyết. Nay ông Q đề nghị hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông và đứng tên ông Q, ông không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phần trình bàycủa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hữu N trình bày: Về quan hệ huyết thống như ông Q trình bày là đúng. cụ Nguyễn Cao C1, cụ Trần Thị L1 khi còn sống có mảnh đất 303 m2 trên đất có 01 ngôi nhà 5 gian cấp 4. Hai cụ có 8 người con, lớn lên đi công tác và lấy vợ, lấy chồng ra ở riêng, chỉ còn anh K1 là bệnh binh nặng trong quân đội 1/3 mất 85% sức khỏe ở cùng bố mẹ ông, bố ông có nói và viết di chúc giao nhà và đất cho chú Khải ở, để chú Khải yên tâm điều trị bệnh. Năm 2001 bố ông chết, mẹ ông có yêu cầu các con đến và viết di chúc theo nguyện vọng của bố ông và quan điểm của mẹ ông cho vợ chồng ông K1 nhà và đất. Còn mảnh đất 425 m2 của ông K1 được cấp theo chế độ bệnh binh thì sang tên cho ông K ở. Sau đó vợ chồng ông K1 cùng với mẹ ông làm thủ tục hồ sơ xin cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện Lâm T xét duyệt, ngày 02/5/2007 vợ chồng ông K1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cuối năm 2007 ông K1 thoả thuận đổi 303 m2 đất thổ cư và 5 gian nhà của bố mẹ cho, cho em trai là Khai, ông K1 làm hồ sơ cho ông K, ngày 09/10/2008 thì vợ chồng ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2018, ông Q về quê gặp em trai là Khai thoả thuận lấy đất thổ cư và nhà ở của bố mẹ, ông K đồng ý nên đã nhượng cho ông Q 76 m2, sau đó ông Q cùng vợ con làm hồ sơ chuyển lên UBND xã Vĩnh L xét duyệt và ngày 28/02/2019, vợ chồng ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay quan điểm của ông đề nghị Toà án giữ nguyên hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông Q và vợ chồng ông K vì tất cả các anh, chị em trong gia đình không ai có ý kiến thắc mắc gì từ trước đến nay. Nếu phải chia thừa kế thì ông giao toàn bộ tài sản của ông cho ông K.

Ông Nguyễn Xuân K2, ông Nguyễn Trọng L1, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quang K1 thống nhất trình bày: Về quan hệ huyết thống như ông Q trình bày là đúng. Bố, mẹ các ông bà khi còn sống có tài sản là 303 m2 trên đất có 01 ngôi nhà 5 gian cấp 4. Năm 2001 bố ông chết, mẹ ông có yêu cầu các con đến họp gia đình và thống nhất cho ông K1 nhà đất của các cụ. Năm 2008 ông K1 đổi đất cho ông K, ông K1 về ở mảnh đất 425 m2, còn ông K về mảnh đất 303 m2. Năm 2017 sau khi mẹ ông chết, anh em đã tổ chức họp gia đình thống nhất cắt cho ông Q 76 m2, sau đó vợ chồng ông Q và ông K ra UBND xã làm thủ tục, địa chính xã đến đo đất và làm bìa đỏ, từ đó đến nay không ai có ý kiến gì. Các ông, bà đều đề nghị Toà án giữ nguyên hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q và của ông Kvà không có thắc mắc gì. Nếu ông Q cố tình không rút đơn mà phải chia thì phần của các ông, bà đều cho ông K, không cho ông Q.

Bà Nguyễn Thị T có lời khai: Bà là vợ ông Nguyễn Quang K1, ông K1 là thương binh nặng nên vợ chồng bà ở cùng với cụ Nguyễn Cao C1 và cụ Trần Thị L1. Năm 1997, bà được cụ Nguyễn Cao C1 và cụ Trần Thị L1 cho vợ chồng bà một thửa đất, trên đất có một nhà cấ 4 ở tại xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Ngày 02/5/2007 thì vợ chồng bà được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn các anh chị em khác đều đã có nhà và ở nơi khác. Vào năm 2007, vợ chồng bà có thoả thuận đổi đất cho vợ chồng chú K để cho vợ chồng chú Khai về ở đất mà bố mẹ chồng bà cho, vợ chồng bà về ở đất mà ông K1 (chồng bà) được Nhà nước cắm cho ông K1 là thương binh được hưởng chế độ. Sau khi trao đổi, vợ chồng ông K cũng nhất trí, năm 2008 vợ chồng bà làm hợp đồng tặng cho vợ chồng chú K diện tích đất 303 m2, tại thửa 279, tờ bản đồ 24, vợ chồng chú Khai đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/10/2008. Năm 2017 mẹ chồng bà là cụ Luyến chết, anh chị em trong gia đình đã họp, vợ chồng chú K đã cho ông Q và bà P 76 m2 đất, ngày 28/2/2019 ông Q, bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích đất 76 m2 tại thửa đất 392, tờ bản đồ 44, các anh chị em trong gia đình không ai có ý kiến thắc mắc gì. Nay ông Q đề nghị huỷ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q và chú K, bà đề nghị giữ nguyên hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Bà Nguyễn Thị P có lời khai: Năm 2019 gia đình nhà chồng tôi có mời vợ chồng bà để họp gia đình về việc phân chia đất đai do cụ Nguyễn Cao C1 và cụ Trần Thị L1 chết đi để lại. Khi về họp gia đình do ông Q ốm không về được chỉ có bà và con trai về họp. Trong buổi họp có 07 người con của cụ Luyến, cụ Chí và bà là con dâu. Lúc đầu anh chị em ông Q thống nhất cho ông Q 5m chiều rộng, sau đó thay đổi ý kiến cho ông Q 4,5 m chiều rộng, sau đó anh em trong gia đình nói vợ chồng ông K nhiều quá nên vợ chồng ông K nhất trí cho ông Q 4m chiều rộng. Khi họp gia đình con trai bà là cháu đích tôn của 2 cụ ghi biên bản họp gia đình, mọi người đều thống nhất ký vào biên bản họp gia đình, biên bản họp gia đình thông qua mọi người cùng nghe và chỉ có 01 bản duy nhất đã nộp cho bà L2 và nộp cho bà L2 10.000.000đđể bà L2 lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi nộp 10.000.000đ cho bà L2 không có giấy tờ gì. Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do lâu ngày nên không nhớ bà có ký hay không. Khi lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà là người nộp lệ phí trước bạ và tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Xuân K chuyển cho vợ chồng bà là Q, P với diện tích đất là 76 m2.

Nay ông Q đề nghị hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quan điểm của bà: Bà không liên quan gì vì nguồn gốc đất là của bố mẹ ông Q, ông Q tự quyết định.

Bà Lê Thị H có lời khai: Bà là vợ ông Nguyễn Xuân K từ năm 1995, vợ chồng bà ở chung với cụ C1 và cụ L1 từ năm 1995 đến năm 1996 ra ở riêng, bà không thuộc hàng thừa kế và cũng không có công sức đóng góp, sửa chữa hay tôn tạo gì vào tài sản của các cụ để lại nên không có liên quan gì. Nguồn gốc diện tích đất hiện nay vợ chồng đang sử dụng là do ông K1 tặng cho vợ chồng bà vào năm 2008. Khi vợ chồng được tặng cho cụ Luyến vẫn còn sống, đến năm 2017 cụ L1 chết. Năm 2018 anh em trong gia đình họp gia đình tham gia góp ý (Con trai ông Q viết biên bản họp gia đình) và chỉ một mình ông Q giữ biên bản họp, anh em trong gia đình đã thống nhất và tặng cho vợ chồng ông Q 76 m^2 đất ở, sau đó ông Q tự mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà đi làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên ông Q và bà P vào năm 2019. Diện tích đất của vợ chồng bà chỉ còn 220 m^2. Nay ông Q đề nghị Toà án hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chia thừa kế vợ chồng bà khôngnhất trí.

Bà Nguyễn Thị Th có lời khai: Bà là con gái của cụ C1, cụ L1, bà đã đi lấy chồng nên không có liên quan gì đến tài sản của bố, mẹ, bà không nhận gì và xin vắng mặt các buổi làm việc tại Tòa án.

Phần trình bày của đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Lâm T trình bày:Năm 2008, ông Nguyễn Xuân K, bà Lê Thị H nhận tặng cho quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Quang K1 và bà Nguyễn Thị T thửa đất số 279, tờ bản đồ 24, diện tích 303 m^2 (Trong đó đất ở 200 m^2, đất vườn 103 m^2). Hồ sơ gồm: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, biên bản kiểm tra hiện trạng, đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có đầy đủ chữ ký của ông K, bà H, ông K1, bà T được UBND xã Vĩnh L chứng thực), được phòng Tài nguyên và Môi

trường thẩm định trình UBND huyện. Ngày 09/10/2008, UBND huyện Lâm T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 573544 cho ông Nguyễn Xuân K và bà Lê Thị H đối với thửa đất trên. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Xuân K và bà Lê Thị H là đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

Năm 2019, ông Nguyễn Quang Q và bà Nguyễn Thị P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân K và bà Lê Thị H 76 m^2 đất ở, tại thửa đất số 279 (bản đồ mới là thửa 284), tờ bản đồ số 24 (Bản đồ mới là tờ 44). Hồ sơ gồm: Hợp đồng chuyển nhượn quyền sử dụng đất, biên bản kiểm tra hiện trạng, đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có đầy đủ chữ ký của ông K, bà H, ông Q, bà P được UBND xã Vĩnh L chứng thực), được phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND huyện. Ngày 28/02/2019, UBND huyện Lâm T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 404748 cho ông Nguyễn Quang Q và bà Nguyễn Thị P đối với thửa đất trên. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quang Q và bà Nguyễn Thị P là đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Việc ông Q đề nghị huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/TLPT- DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 133 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự; Điều 188 Luật đất đai; khoản 5 Điều 26; Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1, 5 Điều 157, khoản 1, 5 Điều 165, Điều 271, 273Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Quang Q về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 573544 ngày 09/10/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Lâm T cấp cho ông Nguyễn Xuân K và bà Lê Thị H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 440748 ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Lâm T cấp cho ông Nguyễn Quang Q và bà Lê Thị P.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế.

Bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 ông Nguyễn Quang Q có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Lý do kháng cáo: Không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:Buộc anh em Nghị, Khải, Khai, Lực tháo dỡ nhà làm trái phép trên đất thổ cư gia truyền, trả lại nguyên trạng mặt bằng cho đình ông; Buộc anh em Nghị, Khải, Khai, Lực bồi thường toàn bộ ngôi nhà ngói 05 gian thờ cúng tổ tiên.

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trên.

Nguyên đơn và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo để nguyên đơn có ngôi nhà chung làm nơi thờ cúng bố mẹ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/TLPT- DSngày 10 tháng 02 năm 2023của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế nhưng sau đó rút yêu cầu chia thừa kế. Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo liên quan nội dung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là *"Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]Đối với quyền sử dụng đất:

Ngày 02/5/2007 ông Nguyễn Quang K1 và bà Nguyễn Thị T được UBND huyện Lâm T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích đất 303 m^2, tại thửa đất số 279, tờ bản đồ 24. Ở tại địa chỉ: Khu 3, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ, nguồn gốc đất là do bố mẹ cho khi còn sống nên là tài sản hợp hợp pháp của ông K1, bà T. Ông K1, bà T có quyền định đoạt tài sản của mình.

Năm 2008 vợ chồng ông Nguyễn Quang K1 và bà Nguyễn Thị T tặng cho vợ chồng ông K, bà H diện tích đất trên. Ông Nguyễn Xuân K và bà Lê Thị H đã được UBND huyện Lâm T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/10/2008 có diện tích đất 303 m^2, tại thửa 279, tờ bản đồ 24. Ông Nguyễn Xuân K, bà Lê Thị H được tặng cho thông qua hợp đồnghợp pháp nên quyền sử dụng đất đã thuộc về ông K, bà H.

[2.1]Đối với việc đề nghị huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Sau khi vợ chồng ông Nguyễn Xuân K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtngày 09/10/2008. Khi cụ Luyến chết (năm 2017) anh em trong gia đình đãhọp bàn thống nhất,nên vợ chồng ông Nguyễn Xuân K đã nhất trí chuyển một phần quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quang Q, bà Lê Thị P là 76 m^2 đất ở (Trong diện tích đất 303 m^2của thửa 279, tờ bản đồ 24).

Ngày 28/02/2019 ông Nguyễn Quang Q, bà Lê Thị P đã được UBND huyện Lâm T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 76 m^2, tại thửa đất số 279, tờ bản đồ số 24 (bản đồ mới là thửa 284 tờ 44).

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C1, cụ L1 là ông K, bà L, ông N, ông L1, bà Thủy, ông K1, ông K2 không ai có ý kiến gì và không đề nghị chia thừa kế, không đề nghị Toà án huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Q, bà P và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông K, bà H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như bà P, bà H, bà T cũng thừa nhận có ký hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất trên là đúng không ai có ý kiến hay thắc mắc gì.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quang Q, bà Lê Thị P và ông Nguyễn Xuân K, bà Lê Thị H là đúng theo trình tự quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên cho thấy: Ông Nguyễn Quang Q, bà Lê Thị P được tặng cho quyền sử dụng đất và thửa đất đã được tách thành hai thửa là đúng pháp luật. Việc ông Nguyễn Quang Q yêu cầu huỷ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Quang Q là người cao tuổi có đề nghị nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1].Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quang Q.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/TLPT- DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Điều 115; Điều 117; Điều 190 của Bộ luật Dân sự; Điều 167; Điều168; Điều169; Điều 188 của Luật Đất đai 2013; khoản 5 Điều 26; Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xử:

- Không chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Quang Q về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 573544 ngày 09/10/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Lâm T cấp cho ông Nguyễn Xuân K và bà Lê Thị H;

- Không chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Quang Q về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 440748 ngày 28/02/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Lâm T cấp cho ông Nguyễn Quang Q và bà Lê Thị P.

[2].Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Miễn án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Quang Q.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm T;
- TAND huyện Lâm T;
- Chi cục THADS huyện Lâm T;
- Các đương sự;
- Lưu AV: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Quang Vũ